

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 418/QĐ-CDKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo
Ngành Logistics, trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-CDKT ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Logistics, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, chương trình đào tạo:

Tên ngành: **Logistics**

Mã ngành: **6340113**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Khối lượng kiến thức: **86 tín chỉ**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021 – 2022.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc và sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



Trần Văn Tú

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số 4.18./QĐ-CDKT ngày 15... tháng 5... năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề:	Logistics
Mã ngành, nghề:	6340113
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành **Logistics** trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh trang bị cho người học kiến thức về cơ sở lý luận nền tảng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phù hợp với công việc trong lĩnh vực Logistics, có khả năng tự học tập, làm việc và thăng tiến trong môi trường làm việc cũng như khả năng hội nhập cao khi tham gia thị trường lao động khu vực và quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cung cấp kiến thức, trang bị kỹ năng và giúp người học hình thành các thái độ cần thiết nhằm:

1.2.1 Kiến thức

Có kiến thức chuyên môn để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động Logistics và phân tích tình hình hoạt động Logistics tại các tổ chức:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;
- Trình bày được kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, quản trị học, pháp luật kinh doanh quốc tế, marketing căn bản, địa lý kinh tế - xã hội thế giới, Logistics và chuỗi cung ứng;
- Trình bày được kiến thức chuyên môn về hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì, nghiệp vụ kho hàng, thanh toán quốc tế, bảo hiểm hàng hóa, nghiệp vụ ngoại thương, nghiệp vụ phân phối hàng hóa, chi phí Logistics, thương mại điện tử, quản trị chất lượng, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;
- Trình bày được kiến thức chuyên môn về giao nhận vận tải quốc tế, nghiệp vụ hải quan và an ninh chuỗi cung ứng.
- Trình bày được kiến thức về an toàn, sức khỏe và môi trường trong Logistics.

- Xác định được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nghề Logistics;
- Xác định được quy trình và nội dung làm việc tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Logistics;
- Mô tả được những sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến ngành Logistics, các công cụ marketing đối với dịch vụ Logistics;
- Xác định được cách thiết lập và duy trì mối quan hệ với các đối tác và khách hàng;
- Cập nhật được các quy định, chính sách về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Vận dụng kiến thức về ngoại ngữ và công cụ tin học để ứng dụng trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

1.2.2 Kỹ năng

Hình thành được kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết bao gồm những kỹ năng liên quan đến việc thu thập thông tin, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề cũng như các kỹ năng tổng hợp, phân tích, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả trong hoạt động Logistics:

- Thực hiện được các nghiệp vụ Logistics như: đóng gói hàng hóa, vận hành kho hàng, phân phối hàng hóa, mua bảo hiểm cho hàng hóa, thực hiện hợp đồng ngoại thương, đảm bảo chất lượng của hàng hóa.
- Thực hiện được nghiệp vụ của đại lý giao nhận, đại lý vận tải, thủ tục hải quan.
- Lập được báo giá dịch vụ Logistics, giám sát và thực hiện các thao tác nghiệp vụ thanh toán, các giao dịch với nhà cung ứng dịch vụ và khách hàng.
- Sử dụng được các công cụ Marketing nhằm thuyết phục khách hàng chấp nhận thuê dịch vụ Logistics.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Có kỹ năng rèn luyện thể chất để tăng hiệu suất làm việc và nâng cao khả năng chịu áp lực trong công việc;
- Có khả năng sử dụng kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.

1.2.3 Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế:

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại đơn vị;
- Giao tiếp hiệu quả thông qua văn bản viết, thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống;

- Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;

- Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;

- Có tinh thần hợp tác trong công việc, thiện chí trong tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc.

- Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;

- Có ý thức bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường trong hoạt động Logistics;

- Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;

- Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0;

- Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành **Logistics** trình độ Cao đẳng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu làm việc tại các bộ phận, phòng ban về vận tải, giao nhận, lưu kho của các doanh nghiệp có hoạt động Logistics gồm: hãng tàu, hãng hàng không, công ty giao nhận, kho hàng, công ty chuyển phát nhanh, công ty thương mại điện tử, kho hàng, trung tâm phân phối, công ty xuất nhập khẩu, đại lý thương mại, nhà bán lẻ, nhà sản xuất,...

Người học có thể đảm nhận các vị trí việc làm như: hành chính Logistics, Sales Logistics, điều phối vận tải, vận hành kho, giao nhận hàng hóa, chứng từ, xuất nhập khẩu,...

Về cơ hội phát triển nghề nghiệp, với kiến thức và kỹ năng được cung cấp trong chương trình cũng như quá trình tự phấn đấu, người học có cơ hội thăng tiến, phát triển tại các vị trí cao hơn, học lên ở các trình độ cao hơn hoặc khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực Logistics.

1.4 Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **39 môn học**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **86 tín chỉ**
- Khối lượng các môn học chung: **435 giờ**
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1620 giờ**
- Khối lượng học tập:
 - + Lý thuyết: **638 giờ**
 - + Thực hành, kiểm tra: **1417 giờ**

3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung đại cương	20 (11,9)	435	175	239	21
MH01	Giáo dục Chính trị	4 (3,1)	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2 (2,0)	30	18	10	2
MH03	Tin học	3 (1,2)	75	15	58	2
MH04	Ngoại ngữ (1) (Chọn 1 trong 3 môn sau):	3 (2,1)	60	30	28	2
MH04.1	Tiếng Anh (1)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH04.2	Tiếng Trung (1)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH04.3	Tiếng Hàn (1)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05	Ngoại ngữ (2) (Chọn 1 trong 3 môn sau):	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05.1	Tiếng Anh (2)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05.2	Tiếng Trung (2)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05.3	Tiếng Hàn (2)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH06	Giáo dục thể chất 1 (*)	1 (0,1)	30	3	25	2
MH07	Giáo dục thể chất 2 (*)	1 (0,1)	30	2	26	2
MH08	Giáo dục Quốc phòng và an ninh (*)	3 (1,2)	75	36	35	4
II	Môn học giáo dục nghề nghiệp	66 (31,35)	1620	463	1099	58
	Môn học chung cơ sở ngành	13 (7,6)	285	103	168	14
MH09	Kinh tế vi mô	2 (1,1)	45	15	28	2
MH10	Quản trị học	2 (1,1)	45	15	28	2
MH11	Định hướng nghề nghiệp	1 (1,0)	15	13	0	2
MH12	Pháp luật kinh doanh quốc tế	2 (1,1)	45	15	28	2
MH13	Marketing căn bản	2 (1,1)	45	15	28	2
MH14	Logistics và chuỗi cung ứng căn bản	2 (1,1)	45	15	28	2
MH15	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	2 (1,1)	45	15	28	2
	Môn học bắt buộc chuyên ngành	39 (17,22)	1020	255	735	30

MH16	Ngoại ngữ chuyên ngành Logistics (Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ sau):	3 (2,1)	60	30	28	2
MH16.1	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3 (2,1)	60	30	28	2
MH16.2	Tiếng Trung thương mại	3 (2,1)	60	30	28	2
MH16.3	Tiếng Hàn thương mại	3 (2,1)	60	30	28	2
MH17	Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bảo bì	2 (1,1)	45	15	28	2
MH18	Nghiệp vụ kho hàng	2 (1,1)	45	15	28	2
MH19	Thanh toán quốc tế	2 (1,1)	45	15	28	2
MH20	Marketing dịch vụ Logistics	2 (1,1)	45	15	28	2
MH21	Rủi ro và bảo hiểm	2 (1,1)	45	15	28	2
MH22	Nghiệp vụ ngoại thương	2 (1,1)	45	15	28	2
MH23	Nghiệp vụ phân phối hàng hóa	2 (1,1)	45	15	28	2
MH24	Tính toán cơ bản trong Logistics	2 (1,1)	45	15	28	2
MH25	Giao nhận vận tải quốc tế	3 (2,1)	60	30	28	2
MH26	Thương mại điện tử	2 (1,1)	45	15	28	2
MH27	Quản trị chất lượng	2 (1,1)	45	15	28	2
MH28	Thực tập doanh nghiệp	3 (0,3)	135	0	135	0
MH29	Điều hành vận tải giao hàng	2 (1,1)	45	15	28	2
MH30	Hải quan và an ninh chuỗi cung ứng	2 (1,1)	45	15	28	2
MH31	An toàn, sức khỏe và môi trường	2 (1,1)	45	15	28	2
MH32	Thực tập cuối khóa	4 (0,4)	180	0	180	0
	Môn học tự chọn chuyên ngành	14 (7,7)	315	105	196	14
	Nhóm môn tự chọn 1 (Chọn 2 trong 4 môn học sau)	4 (2,2)	90	30	56	4
MH33	Tâm lý học quản lý	2 (1,1)	45	15	28	2
MH34	Giao tiếp kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH35	Tư duy phản biện	2 (1,1)	45	15	28	2
MH36	Tư duy thiết kế	2 (1,1)	45	15	28	2
	Nhóm môn tự chọn 2 (Chọn 1 trong 4 môn học sau)	2 (1,1)	45	15	28	2

MH37	Hành vi tổ chức	2 (1,1)	45	15	28	2
MH38	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2 (1,1)	45	15	28	2
MH39	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	2 (1,1)	45	15	28	2
MH40	Dịch vụ khách hàng	2 (1,1)	45	15	28	2
	Nhóm môn tự chọn 3 (Chọn 2 trong 5 môn học sau)	4 (2,2)	90	30	56	4
MH41	Đàm phán thương mại	2 (1,1)	45	15	28	2
MH42	Phân tích hoạt động kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH43	Hệ thống thông tin Logistics	2 (1,1)	45	15	28	2
MH44	Marketing kỹ thuật số	2 (1,1)	45	15	28	2
MH45	Quản trị hành chính văn phòng	2 (1,1)	45	15	28	2
	Nhóm môn tự chọn 4 (Chọn 2 trong 4 môn học sau)	4 (2,2)	90	30	56	4
MH46	Khởi sự kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH47	Quản trị rủi ro	2 (1,1)	45	15	28	2
MH48	Quản trị sự thay đổi	2 (1,1)	45	15	28	2
MH49	Quan hệ kinh tế quốc tế	2 (1,1)	45	15	28	2
Tổng cộng		86 (42,44)	2055	638	1338	79

* Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học (đính kèm)

* Bảng ma trận môn học trước (đính kèm)

* Bảng ma trận chuẩn đầu ra (đính kèm)

* Bảng quy đổi môn học thay thế (đính kèm)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Tổ chức giảng dạy các môn học:

– Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

– Một tiết học trong nhà trường được tổ chức giảng dạy trong 45 phút; môn học có thời lượng ≤ 45 giờ thì có tối thiểu 03 giờ ôn tập và môn học có thời lượng > 45 giờ thì có tối thiểu 06 giờ ôn tập.

– *Môn học Giáo dục thể chất (1)* và *Giáo dục thể chất (2)* được bố trí giảng dạy trong học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm đầu tiên khóa học.

– *Môn học Giáo dục quốc phòng an ninh* sẽ được bố trí vào thời điểm thích hợp theo thỏa thuận của nhà trường và đơn vị có chức năng đào tạo.

– *Môn học Thực tập doanh nghiệp* bao gồm những nội dung:

- + Nghiệp vụ kho hàng.
- + Nghiệp vụ ngoại thương.
- + Nghiệp vụ phân phối hàng hóa.
- + Giao nhận vận tải quốc tế.
- + Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì.
- + Rủi ro và bảo hiểm.
- + Marketing dịch vụ Logistics.
- + Tính toán cơ bản trong Logistics
- + ...
- **Môn học Thực tập cuối khóa** bao gồm:
 - + Thực tập doanh nghiệp
 - + Viết báo cáo
- Đối với **Môn học tự chọn thuộc nhóm 1**, người học chọn 2 trong 4 môn học sau:
 - + Tâm lý học quản lý
 - + Giao tiếp kinh doanh
 - + Tư duy phản biện
 - + Tư duy thiết kế
- Đối với **Môn học tự chọn thuộc nhóm 2**, người học chọn 1 trong 4 môn học sau:
 - + Hành vi tổ chức
 - + Đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp
 - + Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
 - + Dịch vụ khách hàng
- Đối với **Môn học tự chọn thuộc nhóm 3**, người học chọn 2 trong 5 môn học sau:
 - + Đàm phán thương mại
 - + Phân tích hoạt động kinh doanh
 - + Hệ thống thông tin Logistics
 - + Marketing kỹ thuật số
 - + Quản trị hành chính văn phòng
- Đối với **Môn học tự chọn thuộc nhóm 4**, người học chọn 2 trong 4 môn học sau:
 - + Khởi sự kinh doanh
 - + Quản trị rủi ro
 - + Quản trị sự thay đổi
 - + Quan hệ kinh tế quốc tế
- Nội dung thực hành trong các môn học có thể được tổ chức bằng các hình thức



phù hợp.

– Đối với môn học ngoại ngữ, người học sẽ phải lựa chọn 1 trong những ngoại ngữ sau: Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung hoặc Tiếng Hàn.

– Một số kỹ năng mềm được trang bị khi tham gia các chương trình học ngoại khóa gồm có:

- + Kỹ năng giao tiếp ứng xử trong trường và xã hội
- + Kỹ năng làm việc nhóm
- + Kỹ năng thuyết trình, trình bày
- + Kỹ năng phỏng vấn, tìm việc làm
- + Kỹ năng khởi nghiệp
- + ...

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

– Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức sau khi kết thúc buổi học cuối cùng tối thiểu là 1 tuần sau khi người học đã được xét điều kiện dự thi theo quy định.

– Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức trong buổi học cuối cùng, giảng viên có trách nhiệm công bố kết quả xét điều kiện dự thi cho sinh viên trước tuần cuối cùng một tuần.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp:

– Người học được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau:

+ Được công nhận là người học hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;

+ Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình đào tạo quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo;

+ Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của trường;

+ Đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất;

+ Tại thời điểm xét điểm tốt nghiệp, người học không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học.

– Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy số tín chỉ và chuẩn đầu ra đã đạt của người học để xét công nhận tốt nghiệp, ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



Trần Văn Tú

Hồ Nguyễn Các Phương

Nguyễn Thị Trúc Phương

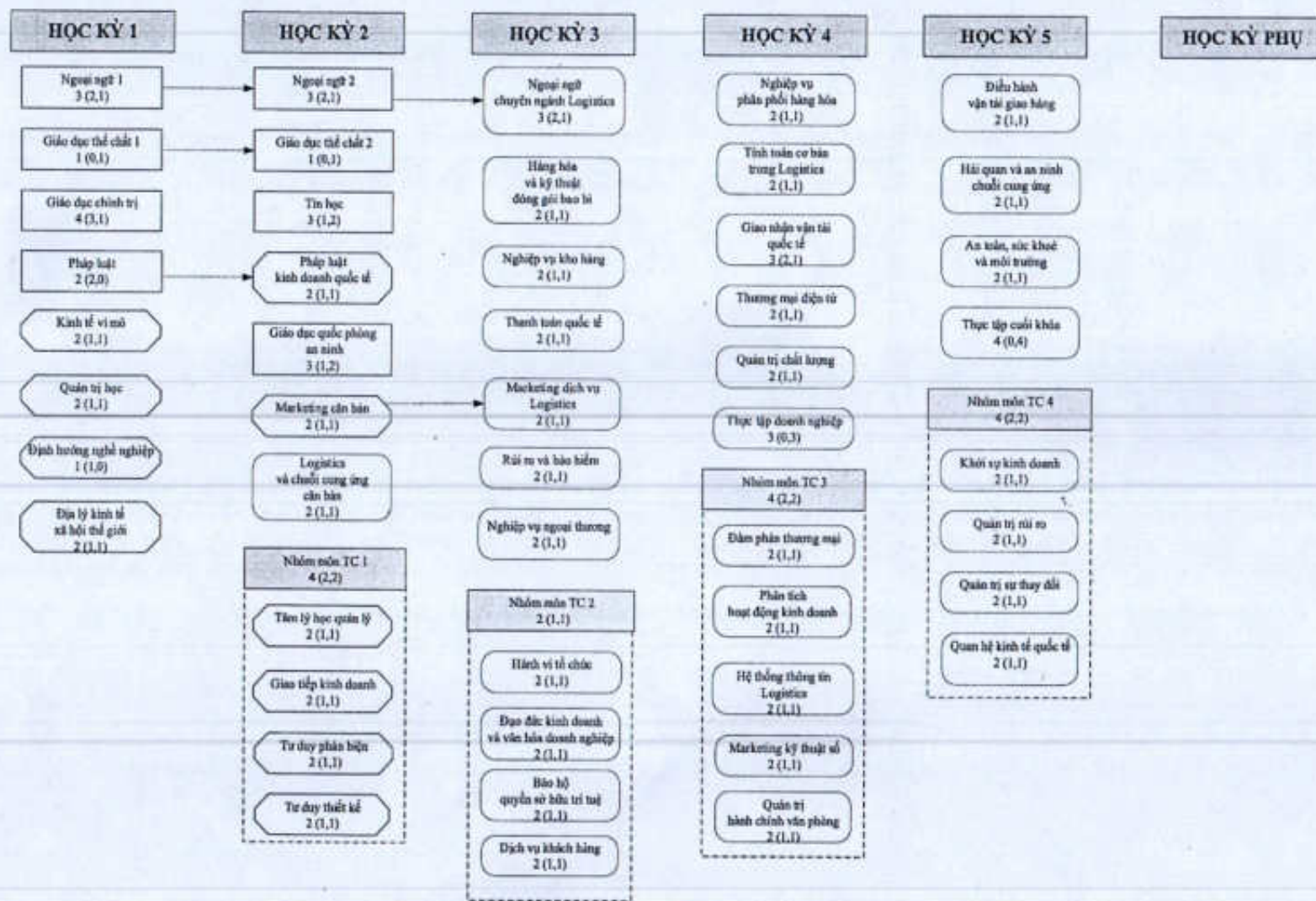
SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC

(Kèm theo Quyết định số 4.18./QĐ-CDKT ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Tên ngành: Logistics

Mã Ngành: 6340113

Trình độ: Cao đẳng



BẢNG MA TRẬN MÔN HỌC TRƯỚC

(Kèm theo quyết định số 4.15./QĐ-CDKT ngày 15. tháng 9. năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 1	Unit 1: People Unit 2: Possessions Unit 3: Places Unit 4: Free Time Unit 5: Food Unit 6: Past lives	
2	Tiếng Trung 2	Tiếng Trung 1	Chương mở đầu: Giới thiệu khái lược về ngữ âm và chữ viết tiếng Phổ thông Trung Quốc Chương I: Chào hỏi Chương II: Hỏi thăm Chương III: Mua sắm, đổi tiền, nhu cầu	
3	Tiếng Hàn 2	Tiếng Hàn 1	Bài 1: Giới thiệu khái lược về bảng chữ viết tiếng Hàn Quốc Bài 2: Giới thiệu Bài 3 : Cuộc sống sinh hoạt ở trường Bài 4 : Nhà Bài 5 : Công việc một ngày Bài 6 : Cuối tuần Bài 7 : Gia đình	
4	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	Tiếng Anh 2	Unit 7 : Journey Unit 8 : Appearance Unit 9 : Film and the Art Unit 10: Science Unit 11: Tourism Unit 12: The Earth	

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
5	Tiếng Trung thương mại	Tiếng Trung 2	Chương I: Hỏi thăm trong cuộc sống Chương II: Hỏi thăm Chương III: Chúc mừng, khuyến bảo, sở thích	
6	Tiếng Hàn thương mại	Tiếng Hàn 2	Bài 1 – Mua sắm hàng hóa, đồ vật Bài 2 – Kế hoạch Bài 3 – Ăn thực Bài 4 – Giao thông Bài 5 – Thời tiết Bài 6 – Điện thoại Bài 7 – Cuộc hẹn Bài 8 – Sở thích	
7	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 1	Chương 1: Giáo dục thể chất chung	
8	Pháp luật Kinh doanh quốc tế	Pháp luật	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật Bài 3: Pháp luật dân sự	
9	Marketing dịch vụ Logistics	Marketing căn bản	Chương 1: Tổng quan về Marketing Chương 2: Môi trường Marketing Chương 3: Hành vi khách hàng Chương 4: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing Chương 5: Phân khúc, lựa chọn và định vị thị trường Chương 6: Chiến lược sản phẩm Chương 7: Chiến lược giá Chương 8: Chiến lược phân phối Chương 9: Chiến lược xúc tiến	

Nguyễn

BẢNG MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

*(Kèm theo quyết định số 418/QĐ-CDKT ngày 15... tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Kiến thức

101. Trình bày được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;

102. Trình bày được kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, quản trị học, pháp luật kinh doanh quốc tế, marketing căn bản, địa lý kinh tế - xã hội thế giới, Logistics và chuỗi cung ứng;

103. Trình bày được kiến thức chuyên môn về hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì, nghiệp vụ kho hàng, thanh toán quốc tế, bảo hiểm hàng hóa, nghiệp vụ ngoại thương, nghiệp vụ phân phối hàng hóa, chi phí Logistics, thương mại điện tử, quản trị chất lượng, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

104. Trình bày được kiến thức chuyên môn về giao nhận vận tải quốc tế, nghiệp vụ hải quan và an ninh chuỗi cung ứng.

105. Trình bày được kiến thức về an toàn, sức khỏe và môi trường trong Logistics.

106. Xác định được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nghề Logistics;

107. Xác định được quy trình và nội dung làm việc tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Logistics;

109. Mô tả được những sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến ngành Logistics, các công cụ marketing đối với dịch vụ Logistics;

110. Xác định được cách thiết lập và duy trì mối quan hệ với các đối tác và khách hàng;

111. Cập nhật được các quy định, chính sách về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu;

112. Vận dụng kiến thức về ngoại ngữ và công cụ tin học để ứng dụng trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

1.2. Kỹ năng

201. Thực hiện được các nghiệp vụ Logistics như: đóng gói hàng hóa, vận hành kho hàng, phân phối hàng hóa, mua bảo hiểm cho hàng hóa, thực hiện hợp đồng ngoại thương, đảm bảo chất lượng của hàng hóa.

202. Thực hiện được nghiệp vụ của đại lý giao nhận, đại lý vận tải, thủ tục hải quan.



- 203. Lập được báo giá dịch vụ Logistics, giám sát và thực hiện các thao tác nghiệp vụ thanh toán, các giao dịch với nhà cung ứng dịch vụ và khách hàng.
- 204. Sử dụng được các công cụ Marketing nhằm thuyết phục khách hàng chấp nhận thuê dịch vụ Logistics.
- 205. Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- 206. Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- 207. Có kỹ năng rèn luyện thể chất để tăng hiệu suất làm việc và nâng cao khả năng chịu áp lực trong công việc;
- 208. Có khả năng sử dụng kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.

1.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- 301. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại đơn vị;
- 302. Giao tiếp hiệu quả thông qua văn bản viết, thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống;
- 303. Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;
- 304. Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;
- 305. Có tinh thần hợp tác trong công việc, thiện chí trong tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc. Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;
- 306. Có ý thức bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường trong hoạt động Logistics;
- 307. Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;
- 308. Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0;
- 309. Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Bảng ma trận chuẩn đầu ra

Mã môn học	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	201	202	203	204	205	206	207	208	301	302	303	304	305	306	307	308	309
MH01	X																				X								X
MH02	X																				X								
MH03																	X										X		
MH04																		X											
MH05																		X											X
MH06	X																		X									X	
MH07	X																		X										
MH08	X																				X								
MH09		X																											X
MH10		X																											
MH11			X																				X				X		X
MH12		X																			X								
MH13		X																											
MH14		X																											
MH15		X																											
MH16																		X									X	X	X
MH17							X						X																
MH18							X						X				X								X				
MH19							X								X														X



Mã môn học	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	201	202	203	204	205	206	207	208	301	302	303	304	305	306	307	308	309
MH20					X	X										X									X				
MH21							X						X														X		
MH22							X						X																
MH23							X						X																
MH24							X								X													X	
MH25								X						X			X												
MH26							X										X											X	
MH27							X						X			X													
MH28				X																X	X	X		X	X				
MH29								X						X			X		X										
MH30								X						X													X		
MH31									X																	X		X	
MH32				X																X	X	X		X	X				
MH33																				X									
MH34						X														X							X		
MH35																												X	
MH36																												X	
MH37																					X							X	
MH38	X														X								X						

Mã môn học	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	201	202	203	204	205	206	207	208	301	302	303	304	305	306	307	308	309
MH39							X																		X				
MH40						X																							
MH41																				X									X
MH42							X						X												X				
MH43																	X												
MH44						X										X											X		
MH45																													
MH46								X														X							X
MH47																													
MH48																								X					
																								X					
MH49	X													X										X					X

BẢNG QUY ĐỔI MÔN HỌC THAY THẾ

(Kèm theo quyết định số 418/QĐ-CDKT ngày 15. tháng 9. năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
1	MH01.1	14	Chính trị 1	3 (3,0)	Giáo dục chính trị	MH01	4 (3,1)	
2	MH01.2	14	Chính trị 2	2 (1,1)	Giáo dục chính trị	MH01	4 (3,1)	
3	MH02	14	Pháp luật đại cương	2 (2,0)	Pháp luật	MH02	2 (2,0)	
4	MH05	14	Tin học đại cương	3 (1,2)	Tin học	MH03	3 (1,2)	
5	MH06.1	14	Anh văn căn bản 1	4 (3,1)	Ngoại ngữ 1	MH04	3 (2,1)	
6	MH06.2	14	Anh văn căn bản 2	5 (3,2)	Ngoại ngữ 2	MH05	3 (2,1)	
7	MH06.1	15, 16	Ngoại ngữ 1	4 (3,1)	Ngoại ngữ 1	MH04	3 (2,1)	
8	MH06.2	15, 16	Ngoại ngữ 2	5 (3,2)	Ngoại ngữ 2	MH05	3 (2,1)	
9	MH15	14	Anh văn chuyên ngành Logistics	3 (2,1)	Ngoại ngữ chuyên ngành Logistics	MH16	3 (2,1)	
10	MH15	15, 16	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3 (2,1)	Ngoại ngữ chuyên ngành Logistics	MH16	3 (2,1)	
11	MH20	14, 15, 16	Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì	3 (2,1)	Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì	MH17	2 (1,1)	



Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
12	MH23	14, 15, 16	Marketing dịch vụ Logistics	3 (2,1)	Marketing dịch vụ Logistics	MH20	2 (1,1)	
13	MH16	14, 15, 16	Nghiệp vụ ngoại thương	3 (2,1)	Nghiệp vụ ngoại thương	MH22	2 (1,1)	
14	MH22	14, 15, 16	Giao nhận vận tải quốc tế	4 (2,2)	Giao nhận vận tải quốc tế	MH25	3 (2,1)	
15	MH30	14, 15, 16	Hải quan và an ninh chuỗi cung ứng	3 (2,1)	Hải quan và an ninh chuỗi cung ứng	MH30	2 (1,1)	
16	MH33.1	14	Đạo đức kinh doanh	2 (1,1)	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	MH38	2 (1,1)	
17	MH34	14, 15, 16	Thuế	2 (1,1)	Phân tích hoạt động kinh doanh	MH42	2 (1,1)	
18	MH35	15, 16	Thị trường chứng khoán	2 (1,1)	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	MH39	2 (1,1)	
19	MH35.2	14	Quản trị thương hiệu	2 (1,1)	Quản trị thương hiệu	MH48	2 (1,1)	Ngành Quản trị kinh doanh
20	MH35.1	14	Văn hóa doanh nghiệp	2 (1,1)	Hành vi tổ chức	MH37	2 (1,1)	
21	MH31	14	Thực tập tốt nghiệp	4 (0,4)	Thực tập cuối khóa	MH32	4 (0,4)	

Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
22	MH32	14	Khóa luận tốt nghiệp	5 (0,5)	Marketing kỹ thuật số	MH44	2 (1,1)	
23	MH42	15, 16	Khóa luận	5 (0,5)	Marketing kỹ thuật số	MH44	2 (1,1)	
24	MH26	14, 15, 16	Thực tập doanh nghiệp	2 (0,2)	Thực tập doanh nghiệp	MH28	3 (0,3)	

